TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16 -5-2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.
2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ TP. B.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B- tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1938/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021, về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 134/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Nguyệt V, sinh năm 1976.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phạm Lê T, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: 149/3E, khu phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà V có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Đỗ Thị Nguyệt V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian quen biết và tìm hiểu giữa bà và ông Nguyễn Phạm Lê T phát sinh tình cảm và quyết định đi đến hôn nhẫn. Vào năm 2001 ông bà quyết định đi đến hôn nhân và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Gò C, tỉnh T, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không có sự cưỡng ép.

Từ khi kết hôn vợ chồng đã có những mâu thuận trong cuộc sống hôn nhân nhưng cả hai đã cố gắng khắc phục để tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Thế nhưng những mâu thuẫn đó ngày càng trầm trọng và gay gắt hơn. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không

hòa hợp và không còn thương yêu nhau.

Nay xét thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã hết sức trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích xây dựng cuộc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà làm đơn này đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho tôi cho bà được ly hôn với ông T để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Bảo L, sinh ngày 28/01/2000 và Nguyễn Phạm Bảo P, sinh ngày 29/10/2003. Ly hôn, do các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

**** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Phạm Lê T trình bày:***

Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống như bà V trình bày là đúng, trong thời gian chung sống thì khoảng hai năm trở lại đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do một số vấn đề về tài chính, vợ chồng ít có sự quan tâm, chia sẽ với nhau. Nay bà V có đơn ly hôn, ông không đồng ý. Lý do ông vẫn muốn hai vợ chồng cho nhau cơ hội hàn gắn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Bảo L, sinh ngày 28/01/2000 và Nguyễn Phạm Bảo P, sinh ngày 29/10/2003. Ly hôn do các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của bà V, ông T không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà V yêu cầu ly hôn với ông là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Hai con chung tên Nguyễn Phạm Bảo L, sinh ngày 28/01/2000 và Nguyễn Phạm Bảo P, sinh ngày 29/10/2003 đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà V phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Bà Đỗ Thị Nguyệt V yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Phạm Lê T. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp ly hôn, con chung*"; Bà Đỗ Thị Nguyệt V là nguyên đơn, ông Nguyễn Phạm Lê T là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đỗ Thị Nguyệt V nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Phạm Lê T hiện đang cư trú tại 149/3E, khu phố T, phường H, thành phố B. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà V có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà V, ông T theo quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Nguyệt V và ông Nguyễn Phạm Lê T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân xã B huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39/2001 ngày 13/4/2001 nên áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm, tài chính. Bên cạnh đó quan điểm sống của hai vợ chồng không đồng nhất, vì vậy thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Nay bà V xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với ông T.

Tại bản tự khai ngày 11/01/2022 và tại biên bản hòa giải ngày 11/01/2022 bị đơn ông Nguyễn Phạm Lê T cũng đã xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng không có sự quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tuy nhiên không đồng ý ly hôn do vẫn muốn hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ nhưng lại không đưa ra được phương án nào để vợ chồng hàn gắn.

Tòa án sau đó đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập ông T đến Tòa án hòa giải lần hai và tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi thể hiện việc ông T không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng, không thiết tha cuộc sống hôn nhân với bà V. Qua kết quả xác minh tại nơi cư trú ngày 08/03/2022 thì địa phương không nắm rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng bà V và ông T.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà V và ông T là có thật, đều được các bên thừa nhận, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V, giải quyết cho bà V được ly hôn với ông T để trả tự do cả hai là phù hợp.

- [5] Về con chung: Hai con chung Nguyễn Phạm Bảo L, sinh ngày 28/01/2000 và Nguyễn Phạm Bảo P, sinh ngày 29/10/2003 đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Bà V phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 11, 56, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Nguyệt V. Bà Đỗ Thị Nguyệt V được ly hôn với ông Nguyễn Phạm Lê T

2. Về con chung: Hai con chung Nguyễn Phạm Bảo L, sinh ngày 28/01/2000 và Nguyễn Phạm Bảo P, sinh ngày 29/10/2003 đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị Nguyệt V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000413 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà V đã nộp xong án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKS ND tỉnh Đồng Nai;*
- *T.H.A dân sự TP.B;*
- *VKS TP B;*
- *Các đương sự.*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn*
- *Lưu HS, VP.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thành Thị Thu Trang